

Bản án số: 182/2022/KDTM-ST

Ngày: 23-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phúc.

Bà Đàm Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 70/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3858/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4809/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1998 hoặc ông Phạm Đức C, sinh năm 1997 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Cùng địa chỉ: Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số: 1889/2022/UQ-PGD ngày 17 tháng 8 năm 2022).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển H.

Địa chỉ trụ sở: phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Giang Minh H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường 5, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Hà Thị Mỹ P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển H ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm, theo đó, nguyên đơn cấp cho bị đơn hạn mức tín dụng 300.000.000 đồng, thời hạn sử dụng là 60 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm phát hành thẻ là 28%/năm, mục đích sử dụng để bổ sung vốn trong hoạt động kinh doanh. Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Trần Thị L và bà Hà Thị Mỹ P theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 1803/HĐBL/VPBANK – PHÁT TRIỂN H.01 ngày 18 tháng 3 năm 2019, Hợp đồng bảo lãnh số: 1803/HĐBL/VPBANK – PHÁT TRIỂN H.02 ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa nguyên đơn, bị đơn và bà Trần Thị L, bà Hà Thị Mỹ P.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ làm việc với bị đơn để yêu cầu hoàn trả nợ nhưng bị đơn cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số nợ tạm tính đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2022 là 804.945.650 đồng, gồm: Nợ gốc là 299.965.574 đồng, nợ lãi là 504.980.076 đồng. Bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán thì bà Trần Thị L và bà Hà Thị Mỹ P phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển H có địa chỉ trụ sở tại phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 299.965.574 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[5] Căn cứ Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 18 tháng 3 năm 2019, mã khách hàng: 5472195, bảng sao kê tài khoản thẻ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng quốc tế Master Card, hạng thẻ Business Credit cho bị đơn với hạn mức tín dụng là 300.000.000 đồng, thời hạn hạn mức tín dụng là 60 tháng, lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng tại thời điểm phát hành

thẻ là 28%/năm, mục đích sử dụng để thanh toán các chi phí không dùng tiền mặt cho công ty.

[6] Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn đều thông báo chi tiết nợ gốc, khoản lãi phát sinh, thời hạn thanh toán cho bị đơn và bị đơn không khiếu nại về vấn đề này. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 299.965.574 đồng.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2022 là 504.980.076 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy:

[8] Tại Điều 5, Điều 9 Mục A của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 18 tháng 3 năm 2019, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng với dư nợ thẻ tín dụng là 28%/năm, lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ) được công bố trên website: <http://www.vpbank.com.vn>. Đối với lãi quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng.

[9] Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi tính đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2022 là 504.980.076 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Điều 5, Điều 9 Mục A của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 18 tháng 3 năm 2019.

[10] Về nghĩa vụ bảo lãnh của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số: 1803/HĐBL/VPBANK – PHÁT TRIỂN H.01 ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa nguyên đơn và bà Trần Thị L, Hợp đồng bảo lãnh số: 1803/HĐBL/VPBANK – PHÁT TRIỂN H.02 ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa nguyên đơn và bà Hà Thị Mỹ P, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với nguyên đơn đã được bà Trần Thị L và bà Hà Thị Mỹ P bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bị đơn đối với nguyên đơn, phát sinh từ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 18 tháng 3 năm 2019 và các văn bản khác được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Hình thức và nội dung hợp đồng bảo lãnh phù hợp với các Điều 292, 335, 336, 385, 398 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các hợp đồng bảo lãnh nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo hợp đồng, phù hợp với các Điều 339, 340, 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị L và bà Hà Thị Mỹ P phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên cho nguyên đơn theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết là phù hợp với khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[11] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.148.370 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 1 và khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối

cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2022 là 804.945.650 (Tám trăm lẻ bốn triệu, chín trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi) đồng, gồm: Nợ gốc là 299.965.574 (Hai trăm chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm bảy mươi bốn) đồng, nợ lãi là 504.980.076 (Năm trăm lẻ bốn triệu, chín trăm tám mươi ngàn, không trăm bảy mươi sáu) đồng của thẻ tín dụng quốc tế Master Card, hạng thẻ Business Credit, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 18 tháng 3 năm 2019.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị L và bà Hà Thị Mỹ P phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên bằng toàn bộ tài sản của mình cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 1803/HĐBL/VPBANK – PHÁT TRIỂN H.01 và số: 1803/HĐBL/VPBANK – PHÁT TRIỂN H.02 cùng ngày 18 tháng 3 năm 2019.

Kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 18 tháng 3 năm 2019 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.148.370 (Ba mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm bảy mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 12.105.580 (Mười hai triệu, một trăm lẻ năm ngàn, năm trăm tám mươi) đồng theo biên lai số: AA/2019/0030589 ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Kim Huệ